

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS- ST

Ngày: 27/01/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân:

- Bà Phạm Thị Thu Kiều

- Ông Lê Thanh Sơn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Tuyết Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Mộ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLST- DS, ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST- DS, ngày 29 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST- DS ngày 19 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

- *Bị đơn:* Ông Lê Đức Đ

Bà Nguyễn Thị C

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, bị đơn bà Nguyễn Thị C có mặt tại phiên tòa; bị đơn ông Lê Đức Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 12/7/2020, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:* Vào ngày 14/11/2010, vợ chồng ông Lê Đức Đ và bà Nguyễn Thị C có đến nhà bà để vay (mượn) 10 (Mười) chỉ vàng 9999 để làm ăn. Khi vay tiền, vợ chồng ông Đ, bà Ch có hứa khi nào cần tiền thì sẽ trả lại. Tuy nhiên, sau khi vay tiền, ông Đ, bà C vẫn chưa trả nợ cho bà mặc dù

bà đã nhiều lần yêu cầu ông Đ, bà C trả nợ. Vì vậy, nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Đức Đ và bà Nguyễn Thị C phải trả cho bà 10 (Mười) chỉ vàng 9999, không yêu cầu tính lãi.

* *Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:* Bà có quen biết với bà Nguyễn Thị M nên vào ngày 14/11/2010 bà có mượn của bà M 10 (Mười) chỉ vàng 9999 để làm ăn. Vì làm ăn thua lỗ nên hiện nay bà không có điều kiện để trả nợ cho bà M một lần theo yêu cầu của bà M. Nay, bà Mảo yêu cầu vợ chồng bà trả nợ bà đồng ý trả nhưng chỉ trả cho bà M nhiều lần.

* Bị đơn ông Lê Đức Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự Thẩm phán, Thư ký tòa án, các Hội thẩm nhân dân và nguyên đơn, đều thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Bị đơn không tham gia quá trình giải quyết vụ án nên vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi của nguyên đơn.

Buộc ông Đ, bà C có nghĩa vụ trả cho bà M 10 (Mười) chỉ vàng 9999.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định, bà M chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đ, bà C (Gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập làm việc; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải...) nhưng ông Đ không đến Tòa án để làm việc, không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị M buộc ông Lê Đức Đ và bà Nguyễn Thị C trả 10 (Mười) chỉ vàng 9999.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì vào ngày 14/11/2010 ông Lê Đức Đ và bà Nguyễn Thị C có vay (Mượn) của bà Nguyễn Thị M, có giấy mượn tiền (Viết tay) do ông Đ, bà C cùng ký tên. Sau khi vay tiền của bà Mảo đến nay ông Đ, bà C chưa trả 10 (Mười) chỉ vàng 9999 cho dù bà M nhiều lần đến yêu cầu ông Đ,

bà C trả nợ nhưng ông Đ, bà C không trả. Bà C thừa nhận có nợ bà M 10 (Mười) chỉ vàng 9999 nhưng hiện nay chưa có điều kiện trả nợ. Hiện nay ông Đ có mặt tại địa phương nhưng từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử ông Đ đều nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Đ không có ý kiến cũng như không đến Tòa. Việc làm này nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà M. Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Đức Đ, bà Nguyễn Thị C trả nợ 10 (Mười) chỉ vàng 9999 là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu ông Lê Đức Đ và bà Nguyễn Thị C trả lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm.

Theo bảng giá vàng ngày 27/01/2021 thì 01 chỉ vàng 9999 có giá trị 5.660.000 đồng. Như vậy 10 (Mười) chỉ vàng 9999 x 5.660.000 đồng = 56.600.000 đồng.

Ông Đ, bà C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với 10 (Mười) lượng vàng là: 10 chỉ vàng 9999 x 5.660.000 đồng = 56.600.000 đồng x 5% = 2.830.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 477, Điều 478 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 26, 147, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

Buộc ông Lê Đức Đ, bà Nguyễn Thị C cùng liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M 10 (Mười) chỉ vàng 9999.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm

Ông Lê Đức Đ, bà Nguyễn Thị C phải liên đới chịu 2.830.000 đồng (*Hai triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Minh Vương